TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2024/DS-ST
Ngày 30 tháng 9 năm 2024
"V/v tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Thái và bà Cù Thị Ngọc Thảo.

- Thư ký phiên toà: Ông Trịnh Hữu Lợi, Thư ký Toà án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 124/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 143/2024/QĐST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mỹ Tr, sinh năm 1978, địa chỉ: số 36/9B đường H, khu phố T, tổ 7, phường E, quận Q, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hoài Th, sinh năm 1989, địa chỉ: tổ 30, ấp A, xã V, thị xã D, tỉnh An Giang. Tạm trú: Thôn 5, xã K, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Bà Tr có mặt; bà Th vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ Tr trình bày: Do ở chỗ quen biết, bà Nguyễn Thị Hoài Th có vay nhiều lần tiền của bà Tr: Ngày 12/4/2021, bà Th vay số tiền 33.000.000 (Ba mươi ba triệu) đồng, lãi suất 3%/tháng, có giấy cam kết, bà Th đóng lãi được 09 tháng số tiền 8.910.000 (Tám triệu chín trăm mười nghìn) đồng.

- Lần thứ hai, ngày 10/01/2022, bà Th vay thêm số tiền 85.000.000 (Tám mươi lăm triệu) đồng, lãi suất 3%/tháng, có làm giấy cam kết trong 01 tháng sẽ hoàn trả tiền vốn và lãi cho bà Tr;

- Lần thứ ba, ngày 12/5/2022, bà Th vay thêm số tiền 43.348.000 (Bốn mươi ba triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn) đồng, có làm giấy cam kết;

- Lần thứ tư, ngày 28/5/2022, bà Th vay 400.000 (Bốn trăm nghìn) đồng để nạp tiền điện thoại.

Tổng cộng 161.748.000 (Một trăm sáu mươi mốt triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn) đồng. Từ khi vay, bà Th trả được 3.770.000 (Ba triệu bảy trăm bảy mươi nghìn) đồng thì ngưng trả, còn nợ lại 157.978.000 (Một trăm năm mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn) đồng. Ngày 12/6/2022, bà Th có ký hợp đồng ủy quyền sổ bảo hiểm xã hội mang tên Nguyễn Thị Hoài Th cho bà Tr với số tiền 96.095.713 đồng; ngày 17/4/2023, bà Th đổi sổ, ngày 08/5/2023, bà Th rút hết tiền trong sổ bảo hiểm xã hội số 7908351166.

Quá trình tố tụng, bà Tr có yêu cầu rút lại số tiền 400.000 (Bốn trăm nghìn) đồng đã chuyển khoản nạp tiền điện thoại cho bà Th vào ngày 28/5/2022, không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền này. Nay, bà Tr yêu cầu bà Nguyễn Thị Hoài Th trả tổng số tiền 157.578.000 (Một trăm năm mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn) đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn cung cấp: giấy cam kết giữa người cho mượn tiền và người ủy quyền sổ BHXH ngày 12/4/2021; giấy cam kết mượn tiền ngày 10/01/2022; giấy cam kết khi mượn tiền hoàn trả mối quan hệ bạn bè ở trọ ngày 12/5/2022 và yêu cầu giám định chữ ký tên, chữ viết họ tên và dấu vân tay của Nguyễn Thị Hoài Th trên các giấy mượn tiền nêu trên tại Phòng kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh An Giang.

Tòa án đã tiến hành tống đạt văn bản tố tụng, triệu tập bà Nguyễn Thị Hoài Th nhưng bà Th vắng mặt ở địa phượng và không cung cấp ý kiến bằng văn bản phản hồi cho Tòa án. Tòa án đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.

Tòa án đã tiến hành thu thập, xác minh chứng cứ: Thu thập mẫu chữ ký, chữ viết họ tên và dấu vân tay màu đỏ của Nguyễn Thị Hoài Th do bà Uyên cung cấp để trưng cầu giám định; xác minh nơi cư trú của bà Th tại Công an xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu và Công an xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, cụ thể:

- Theo kết luận giám định số 132/KL-KTHS (TL-GT) ngày 07/11/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang kết luận:

1. Chữ ký và chữ viết họ tên Nguyễn Thị Hoài Th dưới mục "Người ủy quyền" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu: A1); dưới mục "Người mượn" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu: A2) và dưới mục "Người cam kết kí tên" trên tài liệu cần giám định (kí hiệu: A3) so với chữ ký, chữ viết họ tên Nguyễn Thị Hoài Th trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M1) do cùng một người ký và viết ra.

- Chữ ký mang tên Nguyễn Thị Hoài Th dưới mục "Người ủy quyền" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu: A1); dưới mục "Người mượn" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu: A2) và dưới mục "Người cam kết kí tên" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu: A3) so với chữ ký tên "Th" dưới mục "NGƯỜI KHAI KÝ TÊN" trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M2) do cùng một người ký ra;

Chữ viết họ tên Nguyễn Thị Hoài Th dưới mục "Người ủy quyền" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu: A1); dưới mục "Người mượn" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu: A2) và dưới mục "Người cam kết kí tên" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu: A3) so với chữ viết họ tên Nguyễn Thị Hoài Th tại mục "5. Họ tên: (1)" trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M2) không phải do cùng một người viết ra.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ viết họ tên Nguyễn Thị Hoài Th dưới mục "Người ủy quyền" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu: A1); dưới mục "Người mượn" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu: A2) và dưới mục "Người cam kết kí tên" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu: A3) so với chữ viết họ tên Nguyễn Thị Hoài Th tại mục "Họ tên:" trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M3) có phải do cùng một người viết ra hay không.

2. Dấu vân tay màu đỏ in dưới mục Người ủy quyền, vị trí ký và viết tên Nguyễn Th Hoài Th trên Giấy cam kết giữa người cho mượn tiền và người ủy quyền sổ BHXH, ngày 12/4/2021; dưới mục Người mượn, vị trí ký và viết tên Nguyễn Thị Hoài Th trên Giấy cam kết mượn tiền, ngày 10/01/2022; dưới mục "Tôi: Đã nhận đủ số tiền mà chị Tr đưa cho 45.348.000 (Bốn mươi lăm triệu, ba trăm bốn mươi tám nghìn đồng)" trên Giấy cam kết khi mượn tiền hoàn trả mối quan hệ bạn bè ở trọ, ngày 12/5/2022 (ký hiệu: A1; A2; A3) so với dấu vân tay in ở ô ngón trỏ trái và trỏ phải trên Tờ khai chứng minh nhân dân và Chỉ bản số 351937677 viết tên Nguyễn Thị Hoài Th, sinh năm 1989, nơi ĐKHK thường trú: ấp Phú An A, xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (ký hiệu: M2, M3) là của cùng một người in ra.

- Kết quả xác minh nơi cư trú của bà Nguyễn Thị Hoài Th tại Công an xã Phú Vĩnh cung cấp: Bà Nguyễn Thị Hoài Th, sinh năm 1989 còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 30, ấp A, xã V, thị xã D, tỉnh An Giang. Tạm trú tại Thôn 5, xã K, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Kết quả xác minh tình trạng cư trú của bà Nguyễn Thị Hoài Th tại Công an xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng cung cấp: Bà Nguyễn Thị Hoài Th, sinh năm 1989 có đăng ký tạm trú tại Thôn 5, xã K, huyện B, tỉnh Bình Phước. Bà Th đã bỏ đi khỏi địa phương 02 tháng nay, khi đi không khai báo với chính quyền địa phương, địa phương không biết bà Th hiện nay đang ở đâu. Hiện nay, tại địa phương không có người tên Nguyễn Thị Hoài Th, sinh năm 1989.

Tại phiên tòa, bà Tr yêu cầu bà Th có trách nhiệm trả số tiền vốn gốc 157.578.000 (Một trăm năm mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn) đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số

tiền 400.000 đồng (tiền nạp điện thoại cho bà Th).

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét sử sơ thẩm vụ án.

Những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng đúng quy định, nhưng bị đơn vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án (không có đơn xin vắng mặt). Qua đó cho thấy bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, 161, 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mỹ Tr. Buộc bà Nguyễn Thị Hoài Th chịu trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Mỹ Tr số tiền 157.578.000 (Một trăm năm mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn) đồng

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mỹ Tr đối với việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Hoài Th trả số tiền 400.000 (Bốn trăm nghìn) đồng.

Bà Nguyễn Thị Hoài Th phải chịu chi phí giám định. Bà Nguyễn Thị Hoài Th phải chịu án phí sơ thẩm. Bà Tr không phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] Thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Hoài Th khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản đối với bà Nguyễn Thị Hoài Th, có cư trú tại ấp Phú An A, xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự; nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng án phí, Tòa án thụ lý giải quyết.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị Hoài Th đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

** Về nội dung:*

[1] Hợp đồng vay tài sản: Hợp đồng vay tài sản (giấy cam kết ngày 12/4/2021; ngày 10/01/2022; ngày 12/5/2022) giữa bà Tr với bà Th được lập thành văn bản và ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không trái quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng.

[2] Về khoản nợ vốn vay và tiền lãi:

- Vốn vay: Bà Tr khai, bà Th vay nhiều lần tiền của bà Tr như sau: ngày 12/4/2021, bà Th vay 33.000.000 (Ba mươi ba triệu) đồng; ngày 10/01/2022, bà Th vay 85.000.000 (Tám mươi lăm triệu) đồng; ngày 12/5/2022, bà Th vay 43.348.000 (Bốn mươi ba triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn) đồng, các lần vay đều có làm giấy cam kết; ngày 28/5/2022, bà Th vay 400.000 (Bốn trăm nghìn) đồng để nạp tiền điện thoại. Tuy nhiên, bà Tr rút lại một phần số tiền 400.000 đồng. Bà Th trả vốn được 3.770.000 đồng; còn nợ vốn 157.578.000 (Một trăm năm mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn) đồng, cho đến nay bà Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay bà Tr yêu cầu bà Th có nghĩa vụ trả vốn 157.578.000 (Một trăm năm mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn) đồng.

Lời trình bày của bà Tr phù hợp với giấy cam kết mượn tiền ngày 12/4/2021; ngày 10/01/2022; ngày 12/5/2022 do bà Th ký, ghi họ tên và lăn tay; phù hợp Kết luận giám định số 132/KL-KTHS (TL-GT) ngày 07/11/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang là hoàn toàn có cơ sở, chấp nhận.

Buộc bà Nguyễn Thị Hoài Th có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Mỹ Tr số tiền vốn vay 157.578.000 (Một trăm năm mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn) đồng theo quy định tại Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về tiền lãi: Bà Tr khai, cho bà Th vay các lần tiền lãi suất 3%/tháng. Sau khi vay, bà Th trả lãi của khoản tiền vay 33.000.000 đồng, được 8.910.000 đồng thì ngưng, các khoản vay khác đều không trả lãi. Tại phiên tòa, bà Tr không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền vay, là có lợi cho bị đơn. Xét, chấp nhận.

[4] Rút một phần yêu cầu khởi kiện: Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bà Tr tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Th trả số tiền 400.000 (Bốn trăm nghìn) đồng. Xét, chấp nhận.

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[5] Ngày 12/6/2022, bà Th có ký hợp đồng ủy quyền sổ bảo hiểm xã hội 7908351166 mang tên Nguyễn Thị Hoài Th cho bà Tr với số tiền 96.095.713 đồng (được công chứng, chứng thực); bà Tr khai, bà Th đổi sổ BHXH và bà Th đã rút hết tiền trong sổ bảo hiểm xã hội là phù hợp Công văn số 7207/BHXH-TST ngày 27/9/2024 của Bảo hiểm xã hội thành phố Hồ Chí Minh phúc đáp: "Sổ BHXH số 7908351166 cấp lại do mất ngày 17/4/2024 tại Bảo

hiểm xã hội huyện Bù Đăng và đã hưởng trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp… Hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần theo Quyết định số 392 ngày 08/5/2023 tại Bảo hiểm xã hội huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Số tiền hưởng 96.095.713 đồng. Hiện nay không tìm thấy thông tin tham gia BHXH bắt buộc". Do đó, hợp đồng ủy quyền sổ BHXH giữa bà Tr với bà Th không còn giá trị pháp lý. Bà Tr không yêu cầu khác nên không đề cập xem xét.

[6] Về chi phí tố tụng: Bà Th phải chịu chi phí giám định 3.000.000 đồng. Bà Th phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Tr 3.000.000 đồng theo quy định Điều 159; Điều 161, Điều 162 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[7] Về án phí: Bà Th phải chịu 7.878.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Tr không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Tr tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự; c khoản 1 Điều 217, Điều 218, khoản 2 Điều 244, Điều 147, Điều 161, Điều 162, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mỹ Tr đối với bà Nguyễn Thị Hoài Th trả số tiền *400.000 (Bốn trăm nghìn) đồng*.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mỹ Tr đối với bà Nguyễn Thị Hoài Th về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản".

Buộc bà Nguyễn Thị Hoài Th có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Mỹ Tr số tiền *157.578.000 (Một trăm năm mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn) đồng*.

Kể từ ngày bà Tr có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Th còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Về chi phí tố tụng: Bà Th phải chịu chi phí giám định *3.000.000 (Ba triệu) đồng*. Bà Th phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Tr *3.000.000 (Ba triệu) đồng*.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hoài Th phải chịu *7.878.000 (Bảy triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn) đồng* án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị Mỹ Tr không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Tr số tiền *3.950.000 (Ba triệu chín trăm năm mươi nghìn) đồng* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007186 ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Tr có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Thời hạn kháng cáo của bà Th là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND TX. Tân Châu (2);
- Hội thẩm nhân dân (2);
- CC.THADS TX. Tân Châu (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Bạch Tuyết